TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày 05-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Giới; Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức N**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 10/12; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Bản án số 104/ HSST ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự.

- Bản án số 02/HSST ngày 17/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2014, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự.

- Bản án số 108/HSST ngày 11/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/4/2016, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự.

- Bản án số 91/HSST ngày 23/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/01/2019, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lục Nam (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Con ông Phan Văn G, sinh năm 1974 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; Vợ là Vi Thị Hải Y, sinh năm 1998 (đã ly hôn); Con: Chưa có; Tiền án:

- Bản án số 104/ HSST ngày 25/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong tiền án phí ngày 19/3/2013, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự;

- Bản án số 14 ngày 05/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2014, chấp hành xong án phí ngày 19/3/2013, chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự;

- Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lục Nam (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1968 (Vắng mặt)
- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Anh Đào Phức T, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Đào Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

***Người làm chứng:**

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Trần Quang S, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Đào Văn T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D và Đào Phức T là bạn bè quen biết xã hội. Khoảng 00 giờ ngày 22/11/2019 khi D, N đang ở nhà T chơi thì cả ba cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản, T lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe sirius (xe không có biển số) chở N, D ngồi sau. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày khi các đối tượng đi đến cổng nhà ông Nguyễn Đức V ở thôn C, xã T, huyện Lục Nam thì phát hiện thấy một đàn ngan (11 con) đang nằm ngủ trên bờ tường vành lao ở vườn nhà ông V nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. T đỗ xe lại thì D, N xuống xe tiến lại phía đàn ngan, N bắt được 02 con ngan, D bắt được 03 con ngan (do trời tối nên các đối tượng không nhớ đặc điểm ngan như thế nào). Sau khi trộm cắp được 05 con ngan D và N cầm đi ra vị trí T đã quay đầu xe chờ, rồi cùng lên xe về theo hướng cũ. Lúc này ông V ở trong nhà nghe thấy có tiếng xe máy và có tiếng ngan kêu, ông nghi ngờ có đối tượng trộm cắp tài sản, ông V đi ra cửa thì thấy ba đối tượng vừa đi xe máy qua cổng, ông V ra kiểm tra khu vực nuôi ngan thì phát hiện bị mất 5 con ngan có tổng trọng lượng khoảng 16 kg (trong tổng số 11 con ngan). Ông V quan sát thấy có 01 chiếc bao tơ dứa lạ màu đen ở gần vị trí ngan ngủ, nghi các đối tượng sẽ quay lại trộm cắp tiếp nên ông thông báo cho vợ là bà Phạm Thị L, sinh năm 1968 cùng ở trong nhà rình bắt.

Sau khi trộm cắp được 05 con ngan trên đường về D nhìn thấy 01 bao tơ dứa ở ven đường (không nhớ vị trí cụ thể) nên D bảo T đỗ xe lại để D nhặt bao tơ dứa, mục đích để đựng ngan. Do khi trộm cắp thấy ở bờ tường vành lao nhà ông V vẫn còn nhiều ngan nên khi về đến khu vực sản xuất lăng mộ ở đầu cầu Lục Nam thì T đỗ xe lại để D, N cho ngan vào bao buộc lại rồi cất giấu ở đây để tiếp tục quay lại trộm cắp. Khoảng 02 giờ 30 phút, T, N, D đi xe máy đến nhà ông V, mục đích để tiếp tục trộm cắp ngan. Theo N và D khai khi N, D mỗi người bắt được 02 con ngan có tổng trọng lượng khoảng 14 kg của nhà ông V thì nghe thấy tiếng hô ‘trộm”, N và D xách ngan bỏ chạy ra chỗ T đang nổ máy chờ. Lúc này, ông V từ trong nhà cầm theo 01 đoạn gậy gỗ dài khoảng hơn 60 cm cùng vợ chạy ra cổng, do có dàn giáo (dùng xây dựng) của gia đình đang dựng ở bờ tường nên ông V kéo đổ xuống đường, mục đích để chặn xe, đồng thời hô hào quần chúng nhân dân. Do bị phát hiện T nổ máy bỏ chạy song do D nhảy lên xe làm xe của T mất thăng bằng bị đổ xuống đường, N, D vất ngan lại hiện trường bỏ chạy, T bị xe đổ đè vào chân và bị ông V dùng gậy gỗ vụt vào chân và vào vai. Thấy vậy bà L vào giữ cổ áo T thì T lấy 01 đoạn gậy kim loại dài 42 cm,

đường kính 2,5cm để ở xe vụt về phía ông V, ông V dơ gậy lên đỡ làm gậy bị gãy làm đôi, gậy sắt của T rơi tại chỗ rồi T bỏ chạy về hướng bờ sông. Khi mọi người đuổi bắt T thì bà L quay lại chỗ đàn ngan thấy bao tơ dứa không buộc đầu, 6 con ngan đang ở gần vị trí chiếc bao tơ dứa nên bà L đã bắt hết 6 con ngan cho vào lồng sắt của gia đình. Sau đó ông V, cùng một số người dân và con trai là Nguyễn Đức D đuổi bắt được T rồi đưa về nhà. Tại đây T đã cho số điện thoại của gia đình để ông V liên lạc. Lúc sau gia đình T đến, T chỉ chỗ cất giấu 05 con ngan và gia đình T đã nhờ chị Nguyễn Thị T ở thôn N, xã T, huyện Lục Nam (có quan hệ họ hàng) đến khu lăng mộ ở đầu cầu Lục Nam lấy bao ngan bên trong có 5 con (gồm 03 con ngan lông màu đen và 02 con ngan lông màu trắng) đến trả cho gia đình ông V, cùng ngày ông V làm đơn trình báo.

Sau khi tiếp nhận, Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đào Phức T, thu giữ: 01 gậy gỗ bị gẫy làm hai, 01 đoạn dài 36cm, 01 đoạn dài 38cm, đường kính hai đoạn đều 2,7cm; 01 gậy sắt bằng kim loại màu đen dài 42cm, một đầu hình tròn, một đầu vát 04 cạnh. Đồng thời xác định trọng lượng 06 con ngan mà bà L đã nhốt vào lồng sắt của gia đình (gồm 04 con lông màu đen, 02 con lông màu trắng) có tổng trọng lượng 21kg; 05 con ngan (gồm 03 con ngan lông màu đen, 02 con ngan lông màu trắng) do chị T giao nộp có tổng trọng lượng 16,5 kg. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã trả lại số ngan trên cho gia đình ông V .

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam, kết luận: 11 con ngan, tổng trọng lượng 37,5 kg, có giá là 65.000đ/1kg x 37,5kg = 2.437.000 đồng.

Trong các ngày 07/12/2019 và ngày 02/01/2020 lần lượt Nguyễn Đức N và Nguyễn Văn D đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình

Từ những nội dung đó, bản Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng mô tả. Các bị cáo khẳng định việc bị Viện kiểm sát truy tố về tội danh trên là đúng người, đúng tội, không oan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên những lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra, không bổ sung thêm lời khai nào mới.

Bị hại, người làm chứng mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người này tại phiên tòa.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Nguyễn Đức N từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/12/2019.

Xử phạt: Nguyễn Văn D từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/01/2020.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác, do vậy về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Đào Thị H 01 khung xe máy bằng kim loại có số máy 5C6493790, không xác định được số khung, không có biển kiểm soát.

- Tịch thu tiêu hủy 01 gậy gỗ bị gẫy làm hai, 01 đoạn dài 36cm, 01 đoạn dài 38cm, đường kính hai đoạn đều 2,7cm; 01 gậy bằng kim loại màu đen dài 42cm, một đầu hình tròn, một đầu vát 04 cạnh, đường kính 2,5cm.

2. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Theo các tài liệu đã được điều tra, thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Trong khoảng thời gian từ 02 giờ đến 02 giờ 30 phút ngày 22/11/2019 Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D là các đối tượng đã có tiền án chưa được xóa án tích về tội "Trộm cắp tài sản" cùng với Đào Phức T đã thực hiện hành vi trộm cắp 09 con ngan với tổng trọng lượng 30,5 kg của gia đình ông Nguyễn Đức V. Trị giá tài sản trộm cắp là 1.982.500 đồng (65.000đ/1kg x 30,5kg). Số ngan bị trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho gia đình ông V.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định cùng các tài liệu và chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cụ thể tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm ..."

Trong vụ án này, mặc dù trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp chưa đến 2.000.000 đồng. Nhưng do các bị cáo đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" và chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của các bị cáo đã cấu thành tội phạm. Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 07 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng trên là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật. Qua đó cũng cho thấy bị cáo là người lười lao động, quen hưởng thụ, khó giáo dục và cải tạo. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, tuy nhiên khi xem xét mức hình phạt cũng cần xem xét những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, nhưng do đây đã là tình tiết định tội nên không còn là tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nữa. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm trong đó Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D cùng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Đức V. Nhưng không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn (trộm cắp vặt), các bị cáo đều là người thực hành nên có vai trò ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên bị cáo Nguyễn Đức N có nhiều tiền án hơn so với bị cáo Nguyễn Văn D thể hiện bị cáo N là người khó giáo dục, cải tạo nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo D, xét xử lý như vậy là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng. Do vậy miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo tái hòa nhập đời sống cộng đồng trong thời gian sớm nhất, điều đó thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì khác. Do vậy về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác :

Quá trình điều tra Đào Phức T, Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D thừa nhận lần đầu trộm cắp được 05 con ngan, tổng trọng lượng 16,5kg, có trị giá là 1.072.500 đồng. Lần thứ hai N, D khai chỉ trộm cắp được 04 con ngan có trọng lượng khoảng 14 kg. Ông V thì khai các bị cáo đã bắt hết 11 con ngan của gia đình ông nhưng các bị cáo N, D không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho các bị cáo và bị hại đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Như vậy chỉ có căn cứ xác định T, N, D đã trộm cắp được tổng số 09 con ngan của gia đình ông V với trọng lượng 30,5 kg, có trị giá 1.982.500 đồng. Do hành vi trộm cắp tài sản của Đào Phức T chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, mặt khác T chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra không khởi tố xử lý hình sự đối với T, nhưng đã quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý của Cơ quan điều tra đối với Đào Phức T là phù hợp quy định của pháp luật, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tuy vậy, anh Đào Phức T cũng phải lấy đây là bài học sâu sắc cho bản thân, cần nghiêm túc sửa sai để trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với việc anh Đào Phức T bị một số người dân đánh gây thương tích và phải đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích nhưng T có đơn xin từ chối giám định thương tích và xin rút yêu cầu khởi tố vụ án nên Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam không đặt ra xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý của Cơ quan điều tra là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề này.

Đối với chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius (xe không có BKS, chỉ xác định được số máy 5C6493790, không xác định được số khung) là phương tiện Đào Phức T dùng vào việc đi trộm cắp tài sản đã bị người dân đốt. Quá trình điều tra T và bà Đào Thị H, sinh năm 1962 (là mẹ) khai là xe của bà H mua cách đây hai năm của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực xã T. Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam ra Yêu cầu định giá tài sản song Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam có công văn trả lời không đủ căn cứ để định giá tài sản do không xác định được chính xác loại xe, do xe đã bị cháy hoàn toàn, không xác định được năm sản xuất và giấy đăng ký xe, không rõ biển kiểm soát, không tính được giá trị khấu hao còn lại của chiếc xe. Kết quả xác minh phương tiện giao thông đường bộ ngày 07/12/2019 của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang kết luận "Không tìm thấy dữ liệu tra cứu theo chỉ tiêu tìm kiếm (chỉ có số máy)". Quá trình điều tra không xác định được ai là người đã đốt chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý về hành vi hủy hoại tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý của Cơ quan điều tra là phù hợp quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề này.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 khung xe máy bằng kim loại có số máy 5C6493790, không xác định được số khung, không có biển kiểm soát. Đây là tài sản của bà Đào Thị H, do bà H yêu cầu trả lại nên cần trả lại cho bà H.

- Đối với 01 gậy gỗ bị gẫy làm hai, 01 đoạn dài 36cm, 01 đoạn dài 38cm, đường kính hai đoạn đều 2,7cm; 01 gậy bằng kim loại màu đen dài 42cm, một đầu hình tròn, một đầu vát 04 cạnh, đường kính 2,5cm. Những vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a

khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/12/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/01/2020.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại bà Đào Thị H 01 khung xe máy bằng kim loại có số máy 5C6493790, không xác định được số khung, không có biển kiểm soát

- Tịch thu tiêu hủy 01 gậy gỗ bị gẫy làm hai, 01 đoạn dài 36cm, 01 đoạn dài 38cm, đường kính hai đoạn đều 2,7cm; 01 gậy bằng kim loại màu đen dài 42cm, một đầu hình tròn, một đầu vát 04 cạnh, đường kính 2,5cm (Các vật chứng này đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam).

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Nam;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã C, huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Bộ phận THAHS;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn